BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III - Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III Năm nay	Quý III Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	460.858.983.427	253.454.168.876	1.448.391.183.534	893.301.970.192
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	175.208.229	0	184.046.325	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	460.683.775.198	253.454.168.876	1.448.207.137.209	893.301.970.192
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	293.835.104.658	145.616.634.656	980.337.939.372	552.508.786.937
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		166.848.670.540	107.837.534.220	467.869.197.837	340.793.183.255
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.745.129.000	9.856.107.523	26.375.131.600	41.496.898.015
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.068.710.629	12.563.351.338	47.052.732.947	27.206.808.636
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.710.706.749	1.886.795.212	21.317.357.398	8.693.542.029
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.631.472.360	4.042.869.874	16.903.755.590	14.699.405.042
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	29.356.225.091	31.363.996.602	82.853.215.399	72.845.524.953
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		117.537.391.460	69.723.423.929	347.434.625.501	267.538.342.639
11. Thu nhập khác	31	VI.7	56.288.798.451	4.368.100.727	57.660.047.554	4.528.751.728
12. Chi phí khác	32	VI.8	25.571.707.735	5.078.668.298	26.225.858.160	5.017.382.527
13. Lợi nhuận khác	40		30.717.090.716	(710.567.571)	31.434.189.394	(488.630.799)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		(32.279.601)	130.350.801	(998.993.456)	(611.861.971)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		148.222.202.575	69.143.207.159	377.869.821.439	266.437.849.869
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		40.593.330.560	19.591.925.384	100.540.943.890	65.661.816.964
17. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.718.083.815)	(2.959.159.817)	(6.532.711.474)	(2.959.159.817)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		111.346.955.830	52.510.441.592	283.861.589.023	203.735.192.722
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	70		735.067.886	124.089.529	1.637.511.214	598.912.610
20. Lợi ích của Công ty	80		110.611.887.944	52.386.352.063	282.224.077.809	203.136.280.112

Lập ngày 10 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thanh Hà	Lê Thị Huệ	Lê Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN